

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 12-4-2018  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Quốc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Ngọc Thạch;

Ông Đinh Hữu Cải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp HT, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 23, ấp HT, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chị H, anh L có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 01 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh L sống chung với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 28-12-2016 tại UBND xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, không cùng chí hướng nên dẫn đến gây gổ, cãi vã nhau và đã ly thân cách nay hơn 04 tháng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 người con tên Nguyễn Thúy D, sinh ngày 25-8-2017, hiện nay cháu đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu D và yêu cầu anh L phải đóng góp nuôi con cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

*Tại các biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Thành L trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân; nay anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh thống nhất vợ, chồng có 01 người con, họ tên, ngày tháng, năm sinh như chị H trình bày, sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H vì hiện nay anh không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình; nếu chị H không nuôi con được thì giao cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành L.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thúy D, sinh ngày 25-8-2017 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Thành L có nghĩa vụ phải đóng góp cùng chị H nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H, anh L không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2016, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh L đều thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra, cả hai người không ai quan tâm đến nhau, do đó mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân cách nay khoảng 04 tháng. Chị H yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý ly hôn với chị H nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành L.

[2] Về nuôi con chung: Chị H và anh L có 01 người con tên Nguyễn Thúy D, sinh ngày 25-8-2017, hiện cháu đang sống với chị H. Xét yêu cầu được quyền nuôi con của chị H thấy rằng, đến ngày xét xử cháu D mới được 07 tháng 17 ngày tuổi và trong quá trình giải quyết vụ án, anh L đồng ý giao cháu D cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng anh L không đồng ý, Hội đồng xét xử xét thấy rằng, nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chưa thành niên là trách nhiệm của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con được quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chị H yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ đóng góp cùng chị nuôi cháu D là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị H và anh L không thỏa thuận được mức đóng góp nuôi con nên căn cứ tình hình thực tế, nhu cầu thiết yếu của cháu D và trách nhiệm làm cha của anh L cần buộc anh L phải có nghĩa vụ đóng góp cùng chị H nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H và anh L không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành L.**

**2. Về nuôi con chung:** Giao con chung tên Nguyễn Thúy D, sinh ngày 25-8-2017 cho chị Trần Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thành L phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con với chị H mỗi tháng số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, cho đến khi cháu D thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian đóng góp (cấp dưỡng) được tính từ ngày tuyên án.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Ghi nhận chị H, anh L không yêu cầu giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0025142 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, Tây Ninh; chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng).

**5.** Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**6.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thanh Quốc**